

# Những Mùa Xuân thuở ấy

*Phạm Tín An Ninh*

Khi mới lớn lên, tôi chỉ biết quê tôi là một vùng thôn dã an bình, hiền hòa, xinh đẹp, biển nằm không xa dãy trường sơn. Đi giữa những cánh đồng lúa chín vàng, rộng ngút ngàn dọc bên triền núi, mà tai văng vẳng âm thanh của những ngọn sóng vỗ bờ. Cả dòng họ ông nội tôi chiếm lĩnh vùng nông thôn, và dòng tộc phía bà nội tôi trấn cứ vùng bờ biển. Từ quê ông nội đến quê bà nội, lúc còn nhỏ, tôi thường chạy bộ không đến nửa tiếng đồng hồ. Cả làng gần như đều là bà con dòng tộc xa gần. Mỗi lần có giỗ kỵ, bọn con cháu như tôi phải đi mời khắp cả làng. Ngày Tết phải đi chúc Tết ông bà, cô bác, cả hai ngày chưa đủ. Đám hậu sinh như bọn tôi, mang dòng máu của cả ruộng đồng, sông suối trộn lẫn với nước mặn biển khơi. Có lẽ nhờ đó mà tâm hồn rất rạo tình cảm. Những ngày mới lớn, bọn tôi thường được ông bà nội, các cô chú và nhất là ba tôi, ngồi giải thích, để rồi cuối cùng gần như mọi người trong làng, ai cũng có một vai vế nào đó để biết mà thưa gọi. Đến tuổi yêu đương, trai gái phải đi tìm đối tượng ở xa, chứ trong làng với nhau là ít nhiều gì cũng “cùng huyết thống”. Vì vậy con gái ở quê tôi đều trở thành những con chim đa đa, “không lấy chồng gần mà phải đi lấy chồng xa”.

Tuy có chút phiền hà, nhưng cũng phải công nhận cái nếp nhà của ông bà ngày xưa, sao mà hay quá đỗi.

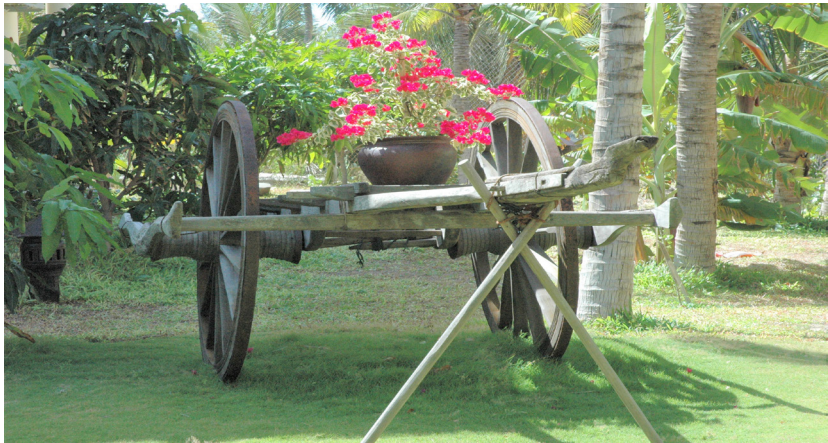
Cũng chính sự liên hệ dòng tộc này, nên làng tôi có thể là một điển hình cho những tình huống bi thương trong cuộc chiến ba mươi năm, từ khi có phong trào Việt Minh cho đến khi kết thúc cảnh huynh đệ tương tàn, khi trong dòng tộc, anh em, kẻ ở bên này người ở bên kia. Một cuộc chiến kỳ quái và có lẽ bi tráng nhất trong lịch sử chiến tranh nhân loại.

Đám trẻ trạc tuổi tôi cũng hơn hai mươi đứa. Không hiểu vì sao lúc ấy chỉ toàn là con trai chơi chung với nhau, còn con gái chỉ có vài ba đứa, nhưng chỉ ở trong nhà. Do vai vế trong họ, có những thằng lớn tuổi phải gọi những ông nhỏ tuổi hơn mình bằng anh, bằng chú. Đôi khi đánh bi, đánh vụn hay đá banh, mấy thằng lớn nhưng vai em, vai cháu bị mấy ông anh, ông chú nhỏ tuổi hơn chơi hiệp, cũng đành phải hậm hực, chỉ biết chạy về mách ông bà. Khi lớn lên một chút, đám bọn tôi cùng đi học trường làng, rồi sang trường huyện. Ngày nghỉ thì tập trung ra cái sân làng để thi thố mọi thứ tài năng, từ u mọi, vật lộn, đá banh. Có khi kéo nhau xuống biển, tập bơi. Những thằng sống ven biển lại có dịp làm thầy dạy cho mấy thằng trên ruộng đồng tập bơi, tập lặn, và cả chèo ghe, lưới cá nữa.

Vui nhất là những dịp Tết. Tất cả đều được mặc áo mới, trong túi thằng nào cũng có chút tiền do ông bà cha mẹ lì xì, kéo nhau đi xem bài chòi, đánh bầu cua cá cọp, và chung tiền mua pháo đốt làm náo động cả xóm làng. Thời ấy đất nước thanh bình, gia đình nào cũng khấm khá, nên đám trẻ bọn tôi sống với nhau trong chan hòa hạnh phúc. Tết đến, là dịp để tận hưởng mọi niềm vui nao nức của tuổi thơ và lúc nào cũng thấy một bầu trời xanh bao la mở ra trước mặt.

Cuối năm 1954, khi khắp miền Nam tung bừng hát bài ca “Suy Tôn Ngô Thủ Tướng” cũng là lúc rộn rịp đón hơn một triệu người từ miền Bắc di cư chạy trốn chế độ Cộng sản, sau Hiệp Định Genève chia đôi đất nước. Cái làng quê nhỏ bé xa xôi nhưng trù phú của tôi cũng đón tiếp hai gia đình. Nhưng lại là hai gia đình có nhiều khác biệt, mà lúc ấy còn nhỏ, nên bọn tôi chẳng hề quan tâm hay thắc mắc điều gì.

Gia đình ông Khanh, nói rất giọng Bắc Kỳ. Gồm có ông và hai thằng con trai tên Vũ và tên Hải. Sau này thằng Vũ vào học cùng lớp Nhì với tôi. Nhờ vậy, tôi biết nó gốc Hải Phòng, mẹ nó mất trước đó 3 năm. Bố nó khá giàu chuyên nghề nấu rượu và làm mắm. Ông Khanh không hề có bà con, quen biết ai ở đây. Nghe nói làng này trù phú, ruộng đồng nằm sát bên bờ biển, nên ông nghĩ đây chính là mảnh đất thuận lợi để cho ông tái nghiệp.



Gia đình bà Thọ, nói rất giọng Bình Định, Gồm có bà và hai người con gái. Con Thi và con Tứ. Điều khác biệt hơn, bà Thọ là cháu của ông Tổng Phương, một người giàu có trong làng và tất nhiên cũng có bà con xa gần gì đó với đám bọn tôi. Cha tôi bảo tôi gọi bà là Cô

Bốn, vai em của cha tôi. Con Thi cũng vào học chung lớp Nhì với tôi và thằng Vũ, còn cô em thì học sau hai lớp, cùng với em thằng Vũ. Nó chỉ nói ba nó bị Tây bắn chết trong chiến tranh. Lúc ấy tôi không hiểu tại sao gia đình con Thi di cư, nhưng không nói tiếng Bắc mà lại nói giọng Bình Định. Ba tôi giải thích là họ không phải đi từ miền Bắc mà từ Liên Khu Năm. Tôi cũng chẳng biết Liên Khu Năm là gì, chỉ nghe ông bảo ở vùng Nam-Ngãi-Bình-Phú gì đó, thế thôi. Hơn nữa đám con nít bọn tôi cũng chẳng quan tâm đến chuyện ấy làm gì.

Từ ngày trong làng có thêm hai gia đình mới đến định cư, đám trẻ bọn tôi rộn ràng và vui hẳn lên. Anh em thằng Vũ nhập bọn, bày cho bọn tôi rất nhiều trò chơi mới lạ từ miền Bắc mang vào. Lần đầu tiên nghe giọng Bắc, bọn tôi tưởng cứ như tiếng chim kêu, có nhiều chữ không hiểu nghĩa gì, bắt hai thằng phải giải thích. Nghe quen rồi, thì lại thấy giọng Bắc hay hay và bắt nó đọc đề học chính tả. Hai anh em đều lễ phép, hiền lành và tốt bụng nên bọn tôi cũng dễ thân. Còn chị em con Thi thì đứa nào cũng xinh xắn dễ thương, khác hẳn với đám con gái trong làng. Hai chị em tự nhiên nhập bọn và chuyên mang kẹo đến chia cho đám con trai để làm quen. Bọn tôi tha hồ chọc ghẹo, nhạo tiếng Bình Định là tiếng Nẫu, và hai đứa nó là dân Củ Mì, nhưng hai chị em cũng tí mắt cười theo mà không hề biết giận.

Phải công nhận là con Thi xinh gái thật. Da trắng hồng, mắt to, mũi cao và miệng cười có hai má lúm đồng tiền. Còn có thêm mái tóc thè đen óng nữa. Trong đám bọn tôi nhiều thằng mê con Thi. Và dường như từ khi con Thi xuất hiện thì đám con trai làng tôi mới tập tễnh học yêu đương và biết trồng cả cây si. Ông bà cha mẹ thằng nào cũng đã đoán trước sự tình nên đều răn đe con cháu “*đám tụi bay với chị em con Thi cùng là người*

*trong họ trong hàng, còn con nít chớ có bày đặt chuyện tầm bậy tầm bạ, nghe chưa!”*

Không biết có bao nhiêu đứa yêu thầm nhớ trộm, đề dù phải vâng lời người lớn, mà trong lòng âm ức không chắc thật là mình có bà con dây dưa rề má gì với con Thi. Còn con Thi, dường như chẳng phải lòng, để ý thằng nào. Với ai nó cũng thân tình vui vẻ, nên cuối cùng cũng trở lại bình thường, không có không khí chiến tranh.

Cũng không biết là hai gia đình này đến đây có mang theo gia tài gì không, nhưng chỉ sau một thời gian ngắn là trở nên giàu có. Ông Khanh thì mua lại một ngôi nhà lớn vùng biển, mở một xưởng làm mắm, với hơn mười người giúp việc. Bà Thọ thì mở một cái quán bán hàng tạp hóa khá lớn ngay ở ngã ba làng, sau khi cất lên một ngôi nhà ngói thật rộng rãi khang trang. Trước quán là một cái sân gạch khá lớn có mái che, được đặt một cái bàn ping-pong và mấy cái máy chơi đá banh. Vì vậy trở thành nơi tập trung của đám nhóc bọn tôi trong những ngày nghỉ học. Khi nào hai chị em con Thi trông quán, bọn tôi không phải trả tiền mà có khi còn được thêm bánh kẹo nữa.

Tết năm ấy, có lẽ là cái Tết đầu tiên vui vẻ và thích thú nhất của đám bọn tôi. Không phải vì có một gánh hát rong nổi danh về diễn ở đình làng, mà vì lần đầu tiên bọn tôi cùng nhau lập một gian hàng trò chơi và lô-tô với tiền của chị em con Thi, và tài quảng cáo điều khiển và hô lô-tô thật tài ba của thằng Vũ. Bằng cái giọng Bắc Kỳ lạ lẫm mà vô cùng hấp dẫn. Không những chỉ trai tráng trong làng, mà từ các làng khác kéo sang, đông đảo nô nức, làm các ông bà chức sắc trong làng ai cũng hoan nghênh.

Năm sau, khi bọn tôi vừa mới lên lớp Nhất, thì được

tham gia vào việc cổ động cho cuộc Trưng Cầu Dân Ý, truat phế Quốc Trưởng Bảo Đại để bầu Thủ Tướng Ngô Đình Diệm lên làm Tổng Thống, khai sinh chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Lúc ấy chưa biết gì về chính trị, nhưng đứa nào cũng thấy nao nức trong lòng. Ai cũng thuộc lòng câu “Phiếu xanh ta bỏ vô bì, phiếu đỏ Bảo Đại ta thì vất đi” để hô vang khi cô thầy giáo dẫn đi ngoài đường. Tối đến, bọn tôi được cắm trại ngay trên sân trường, tổ chức đốt lửa, văn nghệ. Thầy hiệu trưởng soạn vở kịch thơ Hai Bà Trưng. Đám cùng làng với tôi chiếm đa số trong lớp, nên được phép chọn các vai diễn. Hai chị em con Thi đóng vai Trưng Trắc, Trưng Nhị, thằng Vũ đóng vai Thi Sách. Chẳng đứa nào chịu làm Tô Định. Cuối cùng phải tổ chức bốc thăm. Một thằng ở làng khác bốc trúng, nhưng không ngờ nó lại đóng hay nhất.

Nghĩ là chỉ còn gần nhau trong năm này thôi, mùa hè sang năm thì mỗi người một ngã, vì muốn học trung học phải vào tận thành phố, cách xa làng quê hơn sáu mươi cây số, cả bọn thường quây quần bên nhau trong những dịp cuối tuần. Có điều bây giờ ít đùa giỡn nghịch ngợm hơn xưa, vì dường như đứa nào cũng chuẩn bị để tập làm người lớn. Riêng Thi càng lớn lại càng đẹp thêm ra, thân hình nẩy nở hấp dẫn ở cái tuổi dậy thì. Nhiều thằng càng mê mẩn, nhưng vì cái nếp họ hàng đành phải ngậm đắng nuốt cay. Chỉ có thằng Vũ Bắc Kỳ là đứa duy nhất đứng ngoài vòng cấm kỵ và cũng rất xứng đôi. Nhưng nó lại tỏ ra rất bình thường với con Thi, đùa giỡn như hai thằng con trai, và tốt với mọi người, nên cũng chẳng có thằng nào nghi ngờ, ghen tức.

Cái Tết năm đó vì nghĩ là cơ hội cuối cùng, nên ngoài các gian hàng trò chơi như năm trước, bọn tôi còn đứng ra nhận phân văn nghệ. Hầu hết những mâm non



trong cả huyện đều được mời tham dự, có cả một ban giám khảo chọn những tài năng, để các chức sắc trong xã trong làng trao giải thưởng. Bọn tôi được cả ông bố của Vũ và mẹ của Thi giúp tiền bạc, ông anh họ của tôi làm ở Chi Thông Tin giúp phần âm thanh, một máy phát điện và có vấn cho việc tổ chức. Thăng Vũ và con Thi được chọn làm trưởng và phó nhóm kiêm luôn giới thiệu chương trình. Tôi được chọn viết bài số táo quân và đọc mở màn đêm văn nghệ. Bà con các nơi kéo về tham dự đông đảo chưa từng thấy ở ngôi đình làng này từ mấy chục năm nay. Không ngờ bọn tôi lại tổ chức được một cái Tết đình đám như thế. Được các cụ trong làng khen thưởng, ngợi ca vì đã làm nở mặt xóm làng. Nhưng người được chú ý và được hâm mộ nhất hôm ấy là con Thi, không phải vì hát hay múa giỏi mà vì nhan sắc. Bao nhiêu cặp mắt đều dồn về Thi, mê mẩn, nhất là đám con trai, thanh niên lạ từ các nơi kéo đến. Cả đám bọn tôi, ai cũng sợ mất con Thi, đứa nào cũng nhân danh bà con anh em để bảo vệ, nhưng thực ra là để giữ Thi, không cho phải lòng bất cứ gã trai nào.

Đến Hè, sau khi có bằng Tiểu Học, đứa nào cha mẹ khá giả thì được cho vào thành phố tiếp tục học trung học, đứa nào nhà nghèo thì đi học đủ thứ nghề hoặc theo nghiệp nhà nông, nhà biển của cha mẹ đã nối tiếp từ bao nhiêu đời trước. Trong số 16 đứa cùng lớp trong làng, chỉ có 10 thằng được đi làm sĩ tử, vào thành phố thi vào lớp đệ thất trường công lập. Trong số đó có tôi, con Thi và thằng Vũ.

Những đứa được tiếp tục đi học góp chung tiền, nhưng chỉ bằng nửa số tiền con Thi bỏ ra, tổ chức buổi họp mặt tại nhà Thi trước khi mỗi người mỗi ngả. Buổi chia tay buồn vui lẫn lộn. Tôi nghiệp cho những thằng phải nghỉ học. Lúc ấy bọn tôi nghĩ đến tương lai thì ít



mà nghĩ tới chuyện phải xa cách nhau thì nhiều.

Bọn tôi rủ nhau cùng đi lên thành phố chung một chuyến xe đò của bác Vạn Lợi. Ông là vai ông, bác, chú của đám bọn tôi, nên ông không lấy tiền mà còn cho mỗi đứa một ổ bánh mì nóng. Khi ấy cả tỉnh chỉ có duy nhất một trường trung học công lập, nên rất hạn chế học sinh, vì vậy trong mười đứa bọn tôi chỉ có năm đứa đậu. Trong số đó không có tôi. Còn thằng Vũ và con Thi thì đậu hạng cao. Đám thi rớt rủ nhau xin vào các trường tư thục. Với tính háo thắng và cũng dễ thỏa mãn tự ái, suốt mùa hè tôi học lớp luyện toán của một ông chú vừa mới đậu Trung Học, và nhờ cha tôi kèm Pháp văn, để sau hè vào học lớp đệ lục thay vì đệ thất. Nhờ vậy mà tôi lại đậu Trung học Đệ Nhất Cấp rồi xin vào đệ tam trường công trước các bạn khác một năm.

Những năm trung học, đám bọn tôi chỉ thỉnh thoảng gặp nhau ở thành phố, và cũng một vài lần ở quê, nhưng không đông đủ như lúc xưa. Có vài thằng không còn theo học đã lập gia đình sớm và lo sinh kế. Sau trung học, con Thi đậu vào Sư phạm Qui Nhơn, Vũ vào Đại



học Khoa học, còn tôi thích đời quân ngũ nên xin vào lính, ra trường được bổ nhậm về một đơn vị tác chiến ở Cao Nguyên. Thời gian này, chiến tranh trở nên ác liệt, tôi theo đơn vị và ngày tháng miệt mài với súng đạn, sống chết cùng đồng đội trên khắp các chiến trường lửa đạn. Ba năm sau tôi nghe tin Vũ cũng nhập ngũ, và nhờ có vóc dáng cao lớn, được chọn vào binh chủng Nhảy Dù, còn Thi thì đã là cô giáo đang dạy một trường nào đó ở Phan Rang. Trước Giáng Sinh năm 1971, tôi có ghé thăm Thi một lần khi cùng đơn vị di chuyển từ bản doanh Sông Mao lên Đà Lạt để giữ an ninh cho buổi lễ ra trường của một Khóa Võ Bị. Trường Thi dạy nằm ngay bên quốc lộ, nên tôi cho đoàn xe dừng lại trước cổng trường, vào tìm Thi. Bất ngờ gặp nhau, Thi nhìn tôi ngạc nhiên và chạy tới ôm lấy tôi mừng rỡ. Cô giáo Thi vẫn dễ thương, thân tình vui vẻ như dạo nào, và có lẽ là cô giáo đẹp nhất ở đây. Tôi có hỏi về Vũ, Thi cho biết có vài lần gặp Vũ và hai người vẫn thư từ qua lại thăm nhau. Nhưng từ khi Vũ theo đơn vị ra Vùng I, thì không nhận được thư, có lẽ bận hành quân. Tôi cũng hỏi thăm về cô bốn Thọ và Tứ, là mẹ và em gái của Thi. Tôi tròn mắt ngạc nhiên khi Thi nhỏ giọng:

Má của Thi đã tái giá. Bà lấy bác Khanh, bố anh Vũ đó!.

Tôi vỗ tay chúc mừng.

Ông bà cũng xứng đôi vừa lứa, chắc cả Thi và thằng Vũ cũng vui

Im lặng gầy lát, Thi hỏi tôi:

Còn con Tứ, em Thi cũng đã lấy chồng rồi. Anh biết nó lấy ai không?

Tôi suy nghĩ rồi lắc đầu. Thi đập nhẹ vào vai tôi, với một chút bẽn lẽn:

Nó làm đám cưới với thằng Hải, em của Vũ, sau hai

ông bà già mấy tháng.

Tôi thật sự bất ngờ, chỉ biết mở tròn mắt nhìn Thi. Rồi bất giác tôi nói với Thi mà không hề suy nghĩ:

Vậy thì sao Thi không tới luôn với thằng Vũ đi. Hai bạn đều tài hoa và hai gia đình lại đề huề. Hơn nữa đám con trai trong làng đều bà con với Thi hết ráo, ngoại trừ thằng Vũ là duy nhất ngoại tộc! Tôi ủng hộ hai tay!

Thi cười, lắc đầu:

Cả một thời lớn lên thân thiết như anh em chứ có khác gì đâu. Dị lắm!

Tôi đùa:

Nếu không thì phải kiếm ông giáo hay ông quan nào ngon lành mà cho tôi ăn đám cưới đi chứ. Đẹp cho nên kén chứ gì, phải nhớ là hoa chỉ có một thời để nở thôi đó?

Thi cười :

Thời này chắc chỉ có lính. Mà mấy ông lính thì đa tình và đào hoa quá nên chẳng biết dám tin ai mà lấy.

Tôi ôm vai Thi thân mật:

Vậy để tớ làm mai cho mấy thằng bạn đẹp trai oai hùng và chung thủy nghe, chứ để Thi lấy phải một thằng gà chết trời ời nào thì tiếc của lắm.

Bọn tôi vẫn vui vẻ thân mật như ngày nào. Khi chia tay, tôi bảo:

Theo gia phả, thì Thi phải kêu tôi bằng anh. Mà anh đã phán thì em phải vâng lời, nghe chưa?

Đoàn xe đã chuyển bánh, mà tiếng cười của Thi vẫn như còn đuổi theo tôi.

Mùa Hè 1972, tôi bị thương tại chiến trường Kontum. Sau khi xuất viện được hưởng mười ngày phép, tôi trở về quê thăm cha tôi. Lúc này ông đã lớn tuổi, không còn đi dạy học nữa.. Không ngờ đó là những ngày cuối cùng tôi được sống bên cha tôi, và nghe ông kể nhiều chuyện

về cuộc đời, về họ hàng và cuộc chiến tranh đang có nguy cơ bất lợi cho miền Nam. Nhờ theo dõi tin tức nên ông đoán chắc là Mỹ sẽ sớm bỏ rơi VNCH. Suốt buổi, hai cha con bàn thảo về những giải pháp mà Mỹ sẽ đưa ra để kết thúc chiến tranh. Nhưng không ai nghĩ đến bất cứ một giải pháp nào bị đát lăm. Ít nhiều gì vẫn còn tin ở sức mạnh của Hoa Kỳ!

Nhân dịp này tôi cũng ghé lại thăm cô bốn Thọ, mẹ của Thi. Bà và ông Khanh sống ở nhà bà. Cái quán tạp hóa vẫn còn, nhưng hình như không đát hàng như lúc xưa, vì bây giờ có thêm mấy cái quán mới mở. Trông ông bà rất hạnh phúc. Còn vợ chồng Tú và Hải thì sống ở nhà ông Khanh, dưới biển, nổi nghiệp ông sản xuất nước mắm và tôm khô. Nghe ông Khanh bảo, vợ chồng nó làm ăn có bài bản hơn ông ngày trước nên cũng khá giả.

Rồi những điều cha tôi nhận định khi bàn thảo với tôi hôm nào về cuộc chiến, đã diễn tiến và xảy ra đúng như ông dự đoán. Có điều thời gian và mức độ bị đát thì vượt quá xa, so với ước tính của cả hai cha con tôi, và có lẽ của tất cả mọi người, ngay cả những ông có quyền hành cao nhất nước. Ngày 11 tháng 3/75 mất Ban Mê Thuột, kéo theo hai cuộc di tản tệt hại, kinh hoàng từ Pleiku và từ Vùng 1. Không ai ngờ là thành phố Nha Trang yên bình thơ mộng của tôi bị mất về tay CS chỉ đúng 20 ngày sau Ban Mê Thuột. Và mặc dù với tài năng của Tướng Lê Minh Đảo và các đơn vị tại tuyến Long Khánh đã can trường, thiện chiến, ngăn chặn quân CS từ phương Bắc tràn vào, và lực lượng ta phải 1 chống 10 hay 100, nên cũng chỉ cầm chân được hơn mười ngày. Mười ngày làm ngạc nhiên cả Quốc Hội Hoa Kỳ và gây sự thán phục cho cả thế giới, nhưng cuối cùng miền Nam cũng đành thất thủ.

Cái kết thúc bi thảm mà trước đó cha tôi và tôi đã mất một buổi bàn thảo, nhưng không ngờ lại bi thảm đến như thế. Mỹ đã bỏ rơi một đồng minh mà không có bất cứ một giải pháp nào. Một kết thúc không còn có chút tình nghĩa, lương tri, và tận cùng thâm hiểm.

Tôi theo đơn vị từ Cao nguyên Vùng 2 “di tản chiến thuật” về tận miền Nam, Vùng 3 xa lạ để chống đỡ bảo vệ vòng đai Sài Gòn. Khi cha tôi bị địch bắt giam ở một hòn đảo ngoài khơi miền Trung, gần quê tôi, thì tôi đang cùng đơn vị chiến đấu trong cô đơn ở tận Long An, Cần Giộc. Tôi bàng hoàng khi nghe một người bạn cùng quê thoát được vào Sài Gòn kể cho tôi nghe chuyện CS chiếm quê tôi và bắt cha tôi. Khi ông Dương Văn Minh tuyên bố “đầu hàng”, đơn vị tôi vẫn còn đang nổ súng và một số xác đồng đội chết giờ thứ 25 phải lấp vùi trong vườn nhà dân. Đơn vị tôi tập hợp lại lần cuối cùng, ra lệnh phá hủy tất cả vũ khí, rồi thuê mấy chiếc xe đò chở qua cầu chữ Y, ôm nhau từ biệt. Tôi nghiệp, mấy anh tài xế chí tình với lính, không nhận lấy đồng bạc nào, nhìn chúng tôi rung rung nước mắt.

Mấy người bạn của tôi ở Sài Gòn đã kiếm được ghe, rủ tôi cùng đi vượt biển. Bạn tôi bảo bây giờ vẫn còn nhiều cơ hội và hạm đội Mỹ hay Hải Quân VNCH còn đợi ở ngoài khơi. Lòng dạ tôi đang rối bời, ngổn ngang trăm mối, với một nỗi chán chường khủng khiếp. Biết là ở lại với bọn cộng sản man rợ này sẽ là một địa ngục trần gian, nhưng nghĩ còn có biết bao nhiêu người cùng số phận như mình, và đặc biệt nghĩ tới cha tôi, cả một đời gà trống nuôi con, từ lúc mẹ tôi vĩnh viễn lìa xa khi tôi mới tròn ba tuổi, tôi không thể đành lòng bỏ ông, khi ông đang bị giặc cầm tù, không biết sống chết ra sao. Tôi buộc ra trình diện, lấy giấy chứng nhận, như một tờ thông hành để tìm mọi cách trở về quê.

Quê tôi bị “giải phóng” mới hơn một tháng mà sao đã trở nên lạ lẫm, điêu tàn. Tôi không còn tìm được nụ cười nào trên môi của những người thân quen cũ. Ngôi nhà của cha tôi đã bị tịch thu, giờ là Hợp Tác Xã Mua Bán (?). Tôi về nhà ông bà nội, vắng tanh, bà cô út đang cuốc đất trồng sắn ở phía sau nhà. Cô tôi đưa tôi vào nhà thờ tự để thắp nhang lạy ông bà. Cô tôi cho biết có xuống ủy ban quân quản xin giấy đi thăm cha tôi đang bị giam trong trại tù “cải tạo” Đá Bàn, nhưng họ không cho, bảo phải chờ có thông cáo.

Điều làm tôi hết sức bất ngờ, khi nghe cô út tôi kể là ông chồng trước của cô bốn Thọ, cha con Thi, vẫn đang còn sống, là một cán bộ cao cấp của cộng sản, mới từ miền Bắc trở về. Ông đi tập kết từ năm 1954, trước khi sắp xếp cho vợ con ông rời khỏi vùng tập kết Liên Khu 5 để trở về sống ở quê này. Bây giờ ông nắm giữ một chức gì lớn lắm trong chính quyền của tỉnh. Tôi bàng hoàng hơn khi nghe cô tôi kể về cái chết bí ẩn của chú Khanh, cha thằng Vũ, và cũng là chồng sau này của cô bốn Thọ. Khi nghe tin ông chồng cũ trở về, giờ là một người cộng sản có chức quyền, bà Thọ nghĩ là ông ta đã biết hết mọi điều, nên đã cùng hai cô con gái năn nỉ để chú Khanh được đến tạ lỗi, rồi xin tùy ông quyết định. Ông ta tỏ ra thần nhiên, nói cười vui vẻ. Chú Khanh đến khẩn khoản van xin ông ta tha lỗi, vì cứ tưởng là ông đã chết, nên mới gá nghĩa với bà Thọ để hôm sớm có nhau, cùng nuôi con khôn lớn. Giờ ông đã về, xin được trả vợ lại cho ông, rồi dọn nhà đi nơi khác. Hôm ấy, nhiều người bà con trong xóm tò mò đến xem. Ông “cách mạng” vui vẻ bắt tay và còn cảm ơn chú Khanh đã thay ông chăm sóc vợ con ông bao nhiêu năm qua, giờ thì hai người cứ xem nhau là bạn. Ai nấy đều khen ông “cách mạng” đã hành xử theo kẻ trượng phu. Nhưng chỉ sau

đó một tuần thì người ta tìm thấy xác chú Khanh nằm trên bờ biển vắng, hai tay bị trói ra đằng sau, và trên đầu có nhiều lỗ đạn.

Bỗng dung tôi nghĩ đến Vũ và Thi. Cô tôi bảo thằng Vũ thì không ai biết ở đâu, chết hay còn sống, còn con Thi thì nhờ có cha làm lớn, nên được làm hiệu trưởng trường huyện kiêm chủ tịch mặt trận gì đó. Lòng tôi bỗng dung thất lại, nghĩ đến những nụ cười, giọng nói của Thi trong lần gặp gỡ cuối cùng, tôi thấy có gì bẽ bàng, chua xót. Cô tôi gợi ý nên tìm gặp Thi để nhờ nó giúp can thiệp cho tôi được thăm ba tôi. Tôi chỉ im lặng, lắc đầu.

Và đúng như ước đoán của cô tôi, khi trải qua một quãng đường núi khó khăn, tôi đến được trại tù Đá Bàn, là một mật khu của cộng sản lúc xưa, xin được gặp cha tôi, tay cán bộ “trực ban” hỏi căn cước và giấy giới thiệu của chính quyền địa phương, tôi chìa ra tờ giấy duy nhất, bản chứng nhận “Trình diện Chính quyền Cách mạng” của UB Quân Quản Sài Gòn, và trình bày mong muốn được gặp cha trước khi đi “học tập cải tạo”, nhưng vẫn bị hần hần học chối từ và còn đe dọa, bảo tôi phải trở về Sài Gòn ngay, vì không có giấy đi đường.

Hơn một năm sau, ba tôi đã chết trong nhà tù này khi tôi đang bị lưu đày ở một trại tù khác tận vùng Lào Cai, Việt Bắc. Nhưng mãi đến năm năm sau tôi mới nhận được tin buồn, nhờ suy đoán từ những dòng thư của cô tôi viết, mà chỉ duy nhất có mình tôi hiểu được.

Hơn tám năm bị đày đọa khốn cùng qua nhiều trại tù từ Nam ra Bắc, tôi được thả về với thân xác tàn tạ tã tơi. Cuối cùng rồi tôi cũng trở về trong vòng tay đùm bọc của cô tôi, như những ngày tôi còn tấm bé. Cô vẫn không lấy chồng, ở vậy lo nuôi mấy ông anh phải ở trong tù và nhìn trò đời đổi thay dâu biển, chẳng biết



sẽ về đâu. Có điều bây giờ cô đã già, mắt cô đã mờ qua bao lần phải khóc cho anh em, con cháu và cho cả dòng tộc đông đúc ngày xưa, giờ khốn khổ, tan tác mỗi người mỗi ngả. Tối nào, cô tôi cũng đóng kín cửa, kể chuyện đời đời cho tôi nghe, trong ràn rụa nước mắt.

Cô bốn Thọ, mẹ của Thi, sau khi ông Khanh bị giết một thời gian, người ta phát hiện bà nằm chết trong cái miếu hoang, cách nhà không xa mấy. Họ bảo là bà tự tử. Không bao lâu, ông chồng bà mang vợ con từ miền Bắc



vào ở ngôi nhà của bà Thọ, sau này bán đi, dọn về thành phố. Con Thi mớic nói một nhóm du kích, tổ chức vượt biên cùng vợ chồng em nó. Nghe nói trong chuyến đi ấy có cả thằng Vũ, nhưng không biết vì sao nó đang ở tù mà ra được. Chuyến đi thành công, vì có cả một toán du kích mang theo đầy đủ súng ống, trong đó đa số là đám trẻ bà con của bọn tôi ngày trước, không vào thành phố học, được Thi tìm cách đưa vào làm du kích xã.

\*\*\*

Năm 1987, sau gần hai năm vượt biên và được định cư ở Bắc Âu, nhân dịp được nghỉ một tuần mùa Đông lại đúng vào dịp Tết âm lịch, tôi cùng vợ và mấy đứa con lái xe sang Tây Đức thăm gia đình cô em, con bà cô. Vì cả cha mẹ mất sớm nên cô em này sống với cha tôi từ khi còn nhỏ. Sau này làm việc trong một cơ quan Mỹ nên cô quen biết và lấy chồng người Mỹ, một sĩ quan Không quân. Cô theo chồng về Mỹ từ năm 1971, và lúc này cả hai vợ chồng đều sang làm việc cho Khối NATO có căn cứ tại Tây Đức.

Ngày Thứ Bảy, mùng hai Tết, vợ chồng cô em rủ bọn tôi đến một thành phố gần đó, có khá nhiều người Việt sinh sống, và hàng năm họ đều có tổ chức hội Tết. Đây là một thành phố cổ nhưng khá sầm uất. Vì mùa Đông nên hội Tết được tổ chức trong một trường trung học. Chúng tôi rất cảm động khi nhìn thấy lá cờ vàng ba sọc đỏ treo khắp nơi và những thiếu nữ xinh xắn trong tà áo dài truyền thống. Có khá nhiều gian hàng vui chơi và cả sân khấu văn nghệ nữa. Khi đang háo hức chờ đến phiên ca sĩ Kim Loan xuất hiện, người ca sĩ nổi tiếng một thời không chỉ vì tiếng hát mà với bao giai thoại, bỗng tôi nghe văng vẳng một giọng hô lô-tô từ một gian hàng khác. Ngay từ nhỏ, tôi đã không thích trò chơi lô-tô này lắm, nhưng cái giọng hô nhịp nhàng của ai đó dường như có gì thôi thúc, nhớ lại những cái Tết ngày xưa. Tôi bảo cô em và vợ tôi chờ xem ca nhạc, tôi cần ra ngoài một lát. Giọng hô càng lúc càng gần hơn, rõ hơn, làm lòng tôi thấy nôn nao kỳ lạ. Khi đến nơi, tôi bàng hoàng đến choáng váng, khi nhận ra người đàn ông trẻ đang đứng trên chiếc bục gỗ hô lô-tô chính là thằng Vũ. Điều tôi không bao giờ nghĩ tới, cho dù chỉ là một giấc mơ. Không kiềm chế được, tôi vẫy tay gọi lớn: Vũ, Vũ!

Vũ khựng lại, chưa nhận ra tôi, có lẽ vì quá bất ngờ.

Nhưng rồi nó ngưng hô, gọi một người khác thay cho nó. Vừa nhảy xuống nó nhận ra tôi, cả hai đứa tròn vo đôi mắt, nó ôm tôi quay mấy vòng. Vũ bảo tôi đứng chờ nó chạy đi dắt vợ con nó tới chào tôi. Nó trở lại, dẫn theo một người con gái và hai đứa nhỏ.

Tôi buột miệng:

-Là Thi, Thi Bình Định đây à?

Thi ôm chầm lấy tôi, im lặng. Tôi nghe tiếng sụt sùi.

Hai đứa con còn nhỏ, một trai một gái, trố mắt nhìn bọn tôi. Tôi cúi xuống nắm bàn tay hai đứa. Nghe Thi bảo “chào cậu đi con”, cả hai đứa đều lễ phép vòng tay, chào tôi bằng tiếng Việt. Đứa con gái có khuôn mặt giống Thi ngày trước. Vũ bảo là vợ chồng vừa mới mở cái quán ăn nên khá bận rộn, nhưng vì giúp cộng đồng tổ chức Tết gây quỹ Thương Phế Binh, nên tình nguyện phụ trách hai gian hàng: Thi thì lo trò chơi, còn Vũ thì hô lô-tô.

Nhớ tới hội Tết ngày xưa, tôi đùa:

-Còn thiếu mái đình làng để tao còn đọc sớ tảo quân nữa chứ.

Cả ba cùng cười trong niềm vui lẫn xúc động.

Tôi đưa vợ chồng Vũ Thi đến giới thiệu vợ con tôi và vợ chồng cô em. Cô em tôi còn nhận ra Thi. Ai nấy đều ngạc nhiên. Không ngờ ở một nơi rất xa lạ tình cờ lại gặp được cố tri. Vì hai vợ chồng đang bận, nên hẹn ngày mai sẽ đến thăm chúng tôi và còn có biết bao nhiêu điều để nói. Tôi cho địa chỉ nhà và số điện thoại của cô em, nhắc lại, nhất định phải dành cả ngày mai để tâm tình và mừng cho cuộc trùng phùng.

Và chúng tôi đã có trọn một ngày thật vui và cũng thật cảm động. Thi ngồi kể lại chuyện người cha mà Thi từng tin rằng đã chết, rồi bỗng dung trở về như một người xa lạ. Thi ghê tởm ông từ khi hiểu được cái chết

đột ngột và ghê rợn của bác Khanh, cha của Vũ, và của chính bà Thọ, mẹ mình. Thi đã sớm nhận ra tính vô cảm tàn độc và quý quyệt của những người cộng sản, nhưng phải giả vờ dựa vào ông để có thể cứu Vũ và tìm cho chính mình lối thoát. Thi đã giới thiệu mấy đứa trong đám bạn ngày xưa vào làm du kích xã, để âm thầm giúp bà con, nhất là những người trong quân đội hay chính quyền ngày trước. Chính Thi và nhóm bạn xưa đã hiệp lực tìm kế giúp Vũ và một người bạn khác trốn khỏi trại tù A-30, cấp đồng phục, tiền bạc và thẻ “cán bộ thị trường” giả để dễ dàng lẫn trốn trong thành phố, và tìm cách tổ chức vượt biên. Nhờ uy quyền của ông cha, nên những tay công an địa phương không hề nghi ngờ cũng như không dám kiểm soát những người cùng đi với Thi. Được tàu Cap Anamur vớt trên biển, nên hầu hết được định cư ở Tây Đức, quanh quần vùng này, không cách xa nhau mấy.

Chúng tôi ngồi ôn lại bao nhiêu chuyện cũ, nhắc lại những cái Tết hạnh phúc vui vẻ ngày xưa, khi cả đám bọn tôi còn vô tư, hồn nhiên, chưa hề nghĩ tới những thay đổi đau đớn trong cuộc đời. Vợ chồng Vũ Thi cáo từ và hẹn gặp lại ngày mai, sẽ đóng cửa tiệm, ăn Tết thêm một ngày nữa, gọi mấy thằng bạn nói khó và vợ chồng Hải Tứ từ các thành phố khác về tập trung họp mặt ở nhà vợ chồng nó. Chắc mọi người sẽ trẻ ra khi cùng sống lại cái không khí Tết thanh bình của mấy mươi năm về trước. Cái thời mà cả Đất Trời và mọi người ai nấy cũng dễ thương.

# GÓC TRỜI THIỆN THỤ

TRANG LUÂN

Cho một người nằm xuống: Bác sĩ PHẠM ĐỨC DỤ

Thấp thoáng mà hai mươi sáu năm trôi qua. Hai mươi sáu năm tính từ ngày ba mươi tháng tư năm bảy mươi lăm làm tiêu mốc thời gian. Hai mươi sáu năm, vào buổi sáng ngày chủ nhật, với những tầng mây màu chì đậu thật thấp, tôi xuống phố, tình cờ gặp lại tên anh trên trang báo Người Việt. Tên anh được in bằng khổ chữ thật lớn, thật nắn nót và được đóng khung lại một cách thật trang trọng. Chính anh! Phải! Chính anh! Đích thật tên anh được tô đậm ở trên đấy. Tôi sợ mình bị hoa mắt, hay bị làm lẫn, hoặc đôi khi có sự trùng hợp về tên tuổi chẳng! Tôi dơ tay lên dụi mắt, cố mở to rồi đọc lại thêm một lần nữa! Dưới tên anh, còn ghi chú rõ ràng về địa danh cùng đơn vị mà anh đã từng phục vụ trước kia. Châu Đốc. Bệnh Viện Quân Dân Y Phối Hợp. Tôi có nghe anh nói rất nhiều về cái bệnh viện này. Đây là đơn vị cuối cùng của đời anh trong quân ngũ. Thì ra là chính anh. Mà tại sao lại là chính anh! Bao nhiêu câu hỏi cứ lần lượt đổ về chắt vắn nơi tâm tư tôi. Choáng váng, tôi ngẩn người, thừ ra nghe lòng mình tê điếng. Anh đã ra đi. Thật sự ra đi khi tuổi đời vừa tròn ở con số sáu mươi. Sáu mươi năm, anh xuôi tay già từ tất cả. Sáu mươi năm, anh bỏ lại biết bao nhiêu người thân yêu cùng bạn bè thương tiếc anh. Bỏ lại cái quê hương tạm bợ, trần thế,

phù phiếm này, để bước sang cuộc hành trình lạ lẫm, mới mẻ khác. Cuộc hành trình đi về với thế giới huyền ảo, xa xăm. Cái thế giới của an hòa, của vĩnh phúc. Cái thế giới không bao giờ có ngục tù, xiềng xích! Cái thế giới chẳng khi nào nghe tiếng đạn réo trong đêm! Cái thế giới với đầy đủ mọi ý nghĩa thiêng liêng và nhiệm màu về hai chữ hạnh phúc, vinh hiển ở trên đây.

Đọc tên anh trong thoáng giây quá đột ngột, quá bất ngờ, khiến cho tôi cảm thấy bàng hoàng, sửng sốt. Tôi xúc động vô ngần. Tờ báo trên tay tôi tự động rơi xuống từ lúc nào mà tôi chẳng hề hay biết. Tôi sững sờ gục đầu vào tay lái, tưởng nhớ về anh, về chuỗi ngày tháng đọa đầy, khốn cùng tạt xó trời dĩ vãng. Cái dĩ vãng tủ nhục của người lính tản hàng sau thảm họa tháng tư đen. Cái dĩ vãng ấy chẳng khi nào xóa nhòa nơi tâm khảm ở trong anh, tôi cùng mọi người khác nữa!

Thì ra, giữa tôi cùng anh chỉ cách nhau chưa đầy nửa gang tấc. Anh sinh sống ở quận Cam. Tôi cũng nằm trong diện tích ấy. Bao nhiêu lần xuôi ngược mà vẫn chẳng có một lần gặp mặt! Phải chăng, giữa chúng ta cùng chạy trên hai đường thẳng, mà hai đường thẳng song song với nhau thì đâu có khi nào gặp nhau trong toán học! Nhưng có một điều, là cho dù ở đâu, cho dù bất cứ lúc nào, tôi cũng vẫn nhớ đến anh, đến anh Kiệt, anh Khoan, anh Thao, cùng nhiều người bạn tù khác nữa! Làm sao mà tôi có thể quên được chuỗi ngày tháng làm than, đầy ải đó! Chuỗi ngày tháng khổ sai, nhục nhằn trong khu rừng chàm U Minh tối tăm, âm thấp. Chuỗi ngày tháng mà chúng mình phải trằm mình dưới con kinh đục ngầu giống như màu nước vôi, để kéo từng khối mạ về nông trường. Từng buổi trưa nắng nhẽ nhại, lem luốc mà chúng mình phải đứng thành hàng ngang, để chuyền đất, đắp nền hoặc làm đường vân.., vân...



Không bao giờ tôi quên! Không bao giờ! Tôi quả quyết với anh là như thế. Bao nhiêu mồ hôi nhọc nhằn, cay đắng mà chúng mình đã từng nhỏ xuống mảnh đất ấy. Ngày nào cũng giống như ngày nấy. Ngày nào, chúng ta cũng phải quần quật với những công việc nặng nhọc ở nông trường. Tôi về, chúng ta còn bị kiểm thảo. Bị chất vấn. Bị phê bình. Bị theo dõi. Bị khuynh đảo về tất cả mọi phương diện. Ngoài ra, chúng ta còn bị canh giữ nghiêm ngặt bởi các lô cốt đồ sộ, nằm rải rác, bao bọc ở xung quanh, kéo theo những cặp mắt nầy lửa, cảm hờn của mấy tên cảnh vệ còn non choẹt. TỰ DUNG, tôi liên tưởng đến các buổi trưa ử rữ, cay nghiệt. Những buổi trưa mà chúng mình phải nghỉ giải lao ở ngoài trời trong bữa cơm tẻ nhạt, ngao ngán. Trong khi đó, những sợi mưa nghiệt ngã cứ lạnh lùng, thản nhiên trút xuống, cuốn theo các giòng nước mắt đang tự động trào ra trong tâm tư của mỗi chúng ta. Thoáng chợt, tôi bắt gặp cái nhìn của anh đang hướng về phía tôi. Qua cặp kính trắng dây cột, tôi thấy sao mà nặng trĩu, buồn vô hạn. Tôi hiểu cái nhìn ấy. Cái nhìn như biểu lộ nỗi chua chát, u uất đang đè nặng, chất đống, ray rứt triền miên ở trong anh.

*“Bao giờ thì chúng mình mới thoát khỏi cái cảnh này hở Phúc!”*

Anh vẫn thường hỏi tôi như vậy. Tôi nói với anh:

*“Có thể là năm năm. Mười năm. Hai mươi năm hoặc không chừng còn kéo dài suốt cả một đời người. Điều đó cũng có thể xảy ra. Điển hình cho ta thấy, có rất nhiều người đã phải giam mình cả hàng mấy chục năm trời trong các nhà tù ở Liên Xô, cũng như ở Trung hoa. Chúng ta chẳng cần nói đâu xa xôi làm gì! Ngay tại Việt Nam mình cũng thế. Sau năm một nghìn chín trăm năm mươi tư, có biết bao nhiêu người bị ngược đãi dã*

*man rồi chết thê thảm trong các trại tù khổ sai lao động ở miền Bắc. Nhưng có một điều mà tôi tin chắc rằng: Thế nào rồi cũng có một ngày chúng ta ra khỏi chôn này. Sinh thì ắt phải có tử. Mà vào thì tất nhiên phải có ra. Tuy nhiên, một khúc quanh lịch sử đâu có thể thu hẹp trong vòng đời ba năm, mà còn phải kéo dài đến cả hàng mấy chục năm nữa không biết chừng!”*

Anh đồng ý với tôi về điểm này. Anh gật gù:

“Phúc nói đúng! Ở đời chẳng có gì gọi là tồn tại, bất diệt. Tất cả đều phải nằm trong cái mâu số chung của định luật đào thải.”

Tôi biết anh kể từ khi chúng tôi được tập trung về hậu cứ của trung đoàn 33 thuộc Sư Đoàn 21 Bộ Binh. Căn cứ này nằm sát với kho bom Trà Nóc và cách đó độ chừng vài trăm thước là Trung Tâm 4 Hồi Lục. Ở đây được chia ra làm bốn khu. Mỗi khu được ngăn ra bởi các hàng rào giây kẽm gai chằng chịt, kiên cố. Mọi quan hệ, giao dịch đều bị ngăn cấm tuyệt đối và còn cho đó là những quan hệ bất chánh, có tác hại đến vấn đề cải tạo của người khác!

Đối với Cộng Sản thì bất cứ chuyện gì cũng gọi là học tập. Tự khai lý lịch cũng là hình thức học tập, là sự khởi đầu, là bài học nhập môn để mở cửa đi vào giai đoạn học tập chính trị. Bài học này được diễn đi diễn lại nhiều lần. Cán bộ lúc nào cũng lái nhái những câu học thuộc lòng:

*“Các anh phải nhìn nhận tội lỗi của các anh trong quá khứ. Tất cả mọi người trong các anh đều có tội với tổ quốc và nhân dân. Chính vì thế, các anh phải soi rọi lại bản thân và phải thành thật khai báo với Cách Mạng. Phải ra sức đấu tranh tư tưởng. Đây là cuộc đấu tranh quyết liệt và gay go. Phải đả thông tư tưởng, đồng thời hăng say, tích cực trong mọi công tác lao động, ngộ*

*hầu sửa đổi lại bản thân để trở thành người hữu dụng cho đất nước sau này. Có như vậy, các anh mới mong sớm được trở về với cộng đồng chung của dân tộc.”*

**Nói thì nói như thế, nhưng thực tế thì khác hẳn.**

*“Chánh sách khoan hồng của đảng và nhà nước bao giờ cũng trước sau như một. Đảng nói mười ngày lại dẫn ra thành mười năm. Đảng là cái thước để đo lòng người. Đảng bao giờ cũng giơ cao đánh khẽ. Đảng chủ trương giáo dục, uốn nắn các anh trở về với nẻo ngay của dân tộc. Vì vậy, công cuộc cải tạo không thể đơn giản một sớm một chiều mà gọi rửa hết được mọi tội lỗi của các anh trong quá khứ, mà còn phải đòi hỏi cả một thời gian dài mới mong tẩy xóa hết được những lỗi lầm kể trên. Các anh phải phấn đấu. Phải đấu tranh với bản thân.”*

Láo! Láo khoét! Tất cả đều rập khuôn như nhau. Tên nào cũng nói giống nhau y hệt, cùng một sách vở mà đảng đã ấn hành. Ai nấy đều bắt đầu chán nản. Năm tháng trôi qua. Rồi sáu tháng cũng thế. Chuỗi ngày tháng cứ điềm đạm, âm thầm đi qua, cuốn theo biết bao nỗi ngậm ngùi, xót xa quỵện chặt ở trong đó. Nhiều anh tụ lại xầm xì, bàn tán:

“Sao mười ngày lại dẫn ra đến sáu tháng mà vẫn chưa thấy được ngày về!”

Có tiếng khác chen vào:

“Bây giờ thì họ lại đổi ý nói khác! Chẳng biết đâu mà tin vào mấy ông này!”

“Sao lại cứ tin vào cái điều ấy làm gì cho mệt!”

“Như vậy thì hóa ra mình bị lừa à.”

“Thì lừa chứ còn gì nữa!”

Hôm sau tất cả đều bị gọi lên làm việc. Thì ra bị báo cáo. Tất cả đều bị “cách ly”, nhốt trong cũi sắt. Khẩu phần ăn bị cắt xén còn phân nửa.

*“Đấy là hình phạt nhẹ tay đối với các anh đó. Làm sao mà các anh có thể về sớm được! Các anh không tin tưởng vào đường lối và chính sách của Cách Mạng. Các anh phải nỗ lực ra sức học tập.” “Để quốc Mỹ là kẻ thù xâm lược của nhân dân ta” là bài học mở màn bước vào giai đoạn học tập chính trị. Chán ngấy. Mọi người đều thâm hiểu.*

*“Sự trở về còn tùy thuộc vào thái độ thành khẩn của mỗi người trong các anh.”*

Bây giờ thì thấy rõ quá rồi. Nó lộ ra chẳng khác nào như ban ngày. Đáp số của ngày về đâu có đơn giản như mọi người từng suy nghĩ trước đây! Thất vọng! Bao nhiêu hy vọng đều tiêu tan theo mây khói.

Nhiều nguồn tin bịa đặt được tung ra. Tin về lực lượng quân đội thường xuyên xuất hiện ở vùng đồi núi Thất Sơn. Tin về đơn vị Nhảy Dù vừa mới đụng độ với bộ đội Cộng Sản tại vùng rừng già Long Khánh. Ngày nào cũng có tin. Tin chẳng biết xuất xứ từ đâu đến. Tin được rỉ tai, thì thâm, xuất phát từ ngã tư quốc tế, bên cạnh các hố rác hôi hám cùng mấy nhà vệ sinh tập thể sơ sài, nồng nặc mùi hôi thối. Chiều nào chúng tôi cũng phải ra đây. Ra đây là có tin. Có lần anh nói với tôi về cái chuyện này. Tôi nghiêm nghị:

“Anh nên thận trọng. Nhiều khi đây là cái bẫy của mấy ông này nữa cũng không biết chừng!”

Anh đâm chiêu trả lời:

“Tôi cũng nghi lắm. Làm sao mà mình có thể tin vào các nguồn tin ấy được!”

“Ấy vậy mà có nhiều người tin như tin kinh tin kính. Dù sao đi chăng nữa, thì đây cũng là cứu cánh, là nguồn hy vọng để mà sống.”

Vào tù, tôi lại đâm ra thích hát. Tôi cho đó là phương pháp tốt nhất làm giảm bớt đi được phần nào sự suy nghĩ

giữa những căng thẳng, tù túng nơi cuộc sống. Tôi thích hát nhạc tình. Loại nhạc mà người Cộng Sản lên án, gọi nó là nhạc vàng, nhạc ru ngủ, và đôi khi còn được gán ghép cho một cái tên là nhạc phản động. Tôi hát say mê. Hát vào những buổi chiều khi mặt trời xuống thấp. Hát với các người bạn quen thuộc với tôi. Với Cang, với Phước, với Lạc, với Phong, với Thanh cùng vài người bạn khác mà cho tới giờ này tôi không còn nhớ rõ tên. Chúng tôi hội tụ nhau lại thành một ban nhạc để hát cho bạn bè của chúng tôi nghe. Mọi nhạc cụ đều do chính bàn tay của chúng tôi tự làm lấy. Nó được thành hình bằng dao, bằng cưa và được đánh bóng, chau chuốt bằng các mảnh chai, hoặc khom người mài từ ngày này sang ngày khác. Tất cả đều đầy đủ, chẳng khác nào như một ban nhạc sống ở ngoài đời. Từ tây ban cầm, vĩ cầm, đại hồ cầm, cho đến bộ trống, chúng tôi cũng cố gắng thực hiện cho bằng được. Tôi vẫn còn nhớ cái Tết đầu tiên ở trong tù. Một cái Tết được mô tả là ảm đạm, đau buồn và xót xa nhất. Cái Tết của đau thương, khắc khoải, của nỗi nhớ nhung chồng chất, tích lũy ở tâm não. Cái Tết mà hai chữ *tự do* bị khóa chặt, cách ngăn bởi các hàng rào giây kẽm gai lăm lăm, oan nghiệt, chôn dí cuộc đời của chúng tôi ở trong đó.

Năm ấy, chúng tôi được thông thả qua lại, thăm hỏi nhau trong ba ngày Tết. Chúng tôi tổ chức múa lân và lưu diễn văn nghệ cho toàn bốn khu. Dẫn đầu đoàn lưu diễn là ông bầu Phước. Anh trước kia nguyên là sĩ quan tâm lý chiến của Trung Đoàn 16 thuộc Sư Đoàn 9 Bộ Binh, đồn trú tại ngã tư Long Hồ thuộc tỉnh Vĩnh Long. Anh với tôi là bạn cùng đơn vị. Anh có nhiệm vụ điều hợp và giới thiệu chương trình. Chúng tôi đi đến đâu cũng đều được đón tiếp niềm nở và được tán thưởng nhiệt liệt. Bạn bè ngồi kín mít ở chung quanh để nghe

chúng tôi hát. Tôi nhớ mãi nhạc phẩm “*Xuân này con không về*” của tác giả Nhật Ngân. Ca khúc ấy đã thấm sâu vào huyết quản, vào tim não, vào từng thớ thịt của anh em chúng tôi lúc bấy giờ. Bằng các từ ngữ thật nhẹ nhàng, giản dị, ông đã lột tả hết được cái tâm trạng ray rứt, u uân của những đứa con sau khi tàn cuộc chiến. Những đứa con trong thân phận tủ nhục của người lính bại trận. Những người lính bị lưu đầy, biệt xứ. Những người lính trong mùa xuân tha hương, khao khát nhìn về chôn cũ, về gia đình với nỗi xót xa, chia lìa, ngăn cách. Cuộc đời bị vây hãm, bao bọc bởi những lớp kềm gai dày đặc giăng kín ở chung quanh. Những tháp canh đứng sừng sững, lạnh lùng, cùng chuỗi ngày tháng mịt mù, đen tối đang đến ở trước mặt. Đảo mắt nhìn sang hai bên, tôi thấy những khuôn mặt hốc hác, ảo não, buồn rũ rượi. Những khuôn mặt nhăn nhúm, đờ đẫn, cùng mấy giọt nước mắt đang tuàn tạt hiện ra, long lanh ở trên khóe. Để phá tan bầu không khí nặng nề, u ám đó, chúng tôi quên bẵng đi thân phận tù đầy, đồng dục cất lên: “*Cờ bay, cờ bay trên thành phố thân yêu vừa lấy lại đêm qua bằng máu...*” Mọi người đều nhịp nhàng vỗ tay rồi đồng thanh cất cao giọng hát. Dứt bản nhạc, ai nấy mới giật mình, trở mắt nhìn chúng tôi bằng thái độ sợ sệt, lo lắng. Có tiếng anh Dụ nói vọng lên như nhắc nhở:

“Hát nhạc tình đi.”

Tôi hướng về phía anh:

“Anh thích bản nào!”

“Em hiền như ma soeur được không!”

Tôi gật đầu. Tiếng nhạc đệm bắt đầu trở lên. Tôi cất cao giọng hát. Qua tiếng thơ trữ tình của thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên, được chau chuốt bởi kỹ thuật tài tình, điêu luyện của người nhạc sĩ tên tuổi Phạm Duy, đã đưa bản



nhạc đến giá trị tuyệt vời của nó. Dứt bản. Tiếng vỗ tay nổ ran, vang dội cả bốn phía. Hứng khởi, tôi hát lên liên tiếp. *Nghìn trùng xa cách. Nha Trang ngày về. Đưa em tìm động hoa vàng. Em đến thăm anh một chiều mưa.* Tôi hát không mệt mỏi. Tôi hát lên bằng sự rung động của chính mình. Hát trong buổi đầu xuân tràn đầy nắng mới. Hát trong sự tủi nhục, căm hờn. Hát cho tất cả bạn bè tôi nghe. Những người bạn tù giống tôi. Những người bạn đang ngồi đây. Những người bạn tù héo mòn, đương thả hồn vương vãn về khoảng trời kỷ niệm xa xôi nào đó. Mọi người đều im lặng phăng phắc. Tôi cố cất cao giọng hát, rồi nhỏ dần, xuống dần để châm dứt bản nhạc cuối cùng. Tiếng vỗ tay lại rộn ràng vang lên. Kết thúc. Chúng tôi ngồi lại, quây quần với nhau bên chiếc ca cà phê đặc quánh, cùng đồng bánh mứt được gửi vào từ gia đình. Anh ngồi sát bên tôi, kề tai nói nhỏ:

“Cậu nên cẩn thận. Sau Tết thể nào cũng có chuyện rắc rối xảy ra.”

Tôi quay sang nói với anh:

“Cảm ơn anh! Chuyện đó thì đương nhiên. Tôi sẽ có cách xoay sở.”

Thật vậy. Đúng như lời anh nói. Mới bước sang mùng bốn Tết, chúng tôi lần lượt bị gọi lên làm việc. Người đầu tiên là Phước. Tiếp đến là Thanh, Phong, Lạc, Cang và đến lượt tôi là người sau chót. Vừa thấy tôi bước vào, gã cán bộ liền trợn mắt tỏ vẻ giận dữ:

“Cách Mạng đã mở lượng khoan hồng cho các anh vào đây để cải tạo, rèn luyện lấy bản thân. Nào ngờ, các anh lại tỏ ra ngoan cố và đồng thời có những tư tưởng chống đối lại chính sách của đảng và nhà nước.”

Tôi điềm đạm ngồi xuống:

“Cán bộ bảo chúng tôi chống đối. Vậy chúng tôi chống đối ở chỗ nào!”

Gã cán bộ đập mạnh tay xuống mặt bàn:

“Còn không chống đối à! Nếu không chống đối thì tại sao các anh lại hát nhạc vàng trong ba ngày Tết. Còn cờ bay, cờ bay gì nữa đây!”

Tôi nhỏ nhẹ:

“À! Thì ra cán bộ bảo chúng tôi hát nhạc vàng. Chuyện đấy thì có. Chúng tôi không chối cãi! Chẳng đâu gì cán bộ! Thật ra! Chúng tôi có hát loại nhạc này. Bởi vì, điều dễ hiểu, chúng tôi lớn lên ở miền Nam, nên loại nhạc này đã thấm sâu vào huyết quản của chúng tôi kể từ lâu lắm rồi. Ngược lại, như cán bộ sinh sống ở miền Bắc thì cũng thế. Hơn nữa, nhạc Cách Mạng thì lại quá mới mẻ đối với chúng tôi. Chúng tôi cần phải có thời gian để làm quen và phải có sự hướng dẫn từ phía Cách Mạng. Chúng tôi, ai nấy cũng đều ngỡ ngàng như nhau, thì làm sao mà có thể lột tả hết được mọi ý nghĩa sâu xa của nó!”

Gã cán bộ khựng lại. Vài phút sau, gã mới nhìn tôi cười gằn:

“Còn anh! Tôi nghe nói rất nhiều về anh. Người ta phản ảnh với tôi, nào là anh thường hay có tư tưởng bài xích Cách Mạng. Nào là anh chưa có thái độ tích cực trong học tập cải tạo. Ngay trong bản tự khai, anh vẫn còn cố tình dấu diếm, chưa dứt khoát và không có sự thành khẩn ở trong đó.”

Tôi hạ thấp giọng rồi chậm rãi:

“Cán bộ bảo có người phản ảnh về tôi. Vậy! Cán bộ có thể cho tôi biết họ là ai được không! Họ nói như vậy là không đúng! Là trái với sự thật. Lúc nào tôi cũng tỏ ra phần đầu. Lúc nào tôi cũng thành thật. Lúc nào tôi cũng tin tưởng vô biên vào chánh sách khoan hồng của đảng và nhà nước đề ra. Còn việc cán bộ bảo tôi không thành thật khai báo, thì điều đó cán bộ nên xét lại. Cuộc đời tôi

gói ghém chỉ có bằng đấy, thì thử hỏi, tôi lấy đâu ra mà khai thêm được nữa! Chính cán bộ quản giáo cũng từng nói với chúng tôi rằng: Không được thêm hoặc bớt bất cứ điều gì trong bản tự khai. Điều quan trọng hơn hết là phải nói lên sự thật. Tôi nghĩ rằng: Tất cả những gì tôi đã khai ở trong đó, đều làm đúng theo yêu cầu mà Cách Mạng hằng mong muốn.”

Gã cán bộ ngồi lăm li giây lát. Mãi sau, hắn ta mới mở lời hăm dọa:

“Các anh phải ráng cải tạo cho tốt rồi sau này còn phải cải tạo về mặt lao động nữa. Đừng có bắt chước theo anh Trương Văn Tեն và anh Toàn thì chỉ có thiệt thân.”

Tôi nhỏ nhẹ, dần từng tiếng:

“Chúng tôi lúc nào cũng ra sức học tập. Chúng tôi biết rằng đảng lúc nào cũng trước sau như một. Đảng bao giờ cũng bao dung. Đảng là cái thước để đo lòng người. Đảng lúc nào cũng dơ cao đánh khẽ. Bao giờ đảng cũng sáng suốt. Nhờ sáng suốt nên anh Tեն mới bị đưa ra tòa án nhân dân, rồi bị kết án tử hình cũng chỉ vì anh ấy đại dột trốn trại. Còn anh Toàn thì bị nhốt trong cũi sắt cho đến chết, cũng chỉ vì anh ấy có tư tưởng chống lại Cách Mạng. Trước hai cái chết đó, anh em chúng tôi mới sáng mắt ra, đồng thời nhận thấy rằng: Chỉ có mỗi một con đường duy nhất là cải tạo thì mới thấy rõ được ngày về.”

Gã cán bộ cau mặt, bực tức chỉ tay ra ngoài:

“Thôi! Anh về dưới lán đi. Chỉ nói vớ vẩn.”

Ngay buổi chiều hôm ấy, gặp anh, tôi liền kể lại cho anh nghe. Anh ra chiều lo lắng:

“Cậu trả lời khôn khéo lắm đấy. Nhưng tôi sợ bọn nó đang để ý đến cậu. Cậu nên cẩn thận thì hay hơn.”

Tôi nói vừa đủ nghe:

“Trước sau gì, thì tôi cũng sẽ trốn. Dù nguy hiểm đến thế nào đi chăng nữa, tôi cũng sẽ trốn khỏi nơi này. Tôi chỉ chờ cơ hội thôi anh ạ!”

Tôi kể cho anh nghe, vào một đêm tối trời, tôi cùng hai người bạn đang chuẩn bị cắt rào để bò ra, thì giữa lúc đó, toán cảnh vệ bất thần đi xuống, khiến cho chúng tôi tái xanh cả mặt mày, rồi đành phải hủy bỏ kế hoạch ngay trong đêm đó.

Anh trở mắt nhìn tôi khuyên:

“Cậu gan thật. Đừng dại dột. Không nên. Trốn ra thì chỉ có con đường chết. Tốt hơn hết, là phải nhẫn nại và chờ cho đến khi nào được ra lao động.”

Nếu tôi nhớ không lầm, thì vào khoảng tháng bảy năm bảy mươi sáu, chúng tôi được lệnh thu xếp đồ đạc cá nhân và chuẩn bị sẵn sàng tại chỗ. Lại có tiếng bàn tán, xầm xì nổi lên:

“Chắc lại di chuyển đi nơi khác chứ gì!”

“Mà di chuyển đi đâu chứ!”

“Làm sao mà biết được!”

Ai nấy đều thở dài ngao ngán. Lát sau mọi người mới chợt hiểu. Thì ra, là thanh lọc lại hàng ngũ. Thành phần nguy hiểm như ban hai, tình báo, an ninh quân đội, chiến tranh chính trị được tách rời ra, tập trung vào một khu riêng biệt. Tôi đem ý nghĩ về họ. Tôi có linh cảm, hình như họ sắp sửa bị đưa đến một nơi thật xa xôi nào đó. Tôi mừng tượng ra vùng Cao Nguyên hẻo lánh mà tôi đã từng đồn trú ở trên đây trong thời gian trước đây. Nào ngờ, mãi cho đến sau này, khi tôi ra tù, tình cờ gặp lại anh bạn cũ, tôi mới biết, họ bị đưa ra lao động khổ sai tận vùng Hoàng Liên Sơn ngoài miền Bắc. Hẳn kể cho tôi nghe về trận mưa đá đầu tiên, ngay sau khi họ vừa đặt chân xuống mảnh đất thành đồng của xã hội chủ

nghĩa. Họ căm thù chế độ miền Nam. Miền Nam là ung nhọt, là quái thai, là tay sai của đế quốc. Miền Nam là biểu tượng của tội ác. Miền Nam đòi truy. Miền Nam là cả sự giả tạo phồn vinh. Bao nhiêu căm phẫn đều trút xuống tâm lưng gầy của người tù từ miền Nam đưa ra. Họ bị xỉ vả, bị nhiếc mắng bằng đủ mọi thứ ngôn từ xấu xa, thô tục nhất. Họ ví người lính miền Nam là một thứ hung tàn, bạo ngược. Họ không hiểu! Họ bị đầu độc, nhồi sọ ngay từ khi còn ngồi ở ghế học đường. Chánh sách giáo dục thâm độc của nhà nước đã khiến cho mọi người có cái nhìn sai lệch về lịch sử. Đảng muốn gieo vào tâm tư trẻ thơ bằng hạt giống oán hờn. Họ dạy trẻ thơ bằng đủ mọi hình thức. Ngay trong những bài toán đố cũng vậy. Anh bộ đội bắn được ba tên đế quốc Mỹ mỗi ngày. Hỡi, trong vòng một tuần lễ, anh ấy bắn được bao nhiêu kẻ thù! Vì thế, họ chỉ biết có căm thù. Họ chỉ biết có đảng. Đảng là tuyệt đối. Đảng là ngọn đuốc soi sáng, dẫn lối cho họ tiến bước. Mãi cho đến sau này, người miền Bắc mới hiểu được người miền Nam, mới thấy được sự chênh lệch quá xa giữa miền Nam và miền Bắc. Xã hội chủ nghĩa chỉ là cái nôi của sự nghèo đói. Hòa bình có, nhưng tự do, no ấm thì không! Xã hội càng ngày càng sa đọa, càng tối tăm đi xuống. Từ đó, họ bắt đầu thay đổi cái nhìn đối với người tù từ miền Nam đưa ra. Hẳn còn kể cho tôi nghe, có rất nhiều mối tình nở ra ở ngay trên đất Bắc, điển hình như trường hợp của cô y tá trạm xá với một anh tù của miền Nam được đưa ra nằm điều trị ở tại nơi đây.

Thành phần còn lại, chúng tôi được biên chế thành đội ngũ để chuẩn bị đi lao động. Dịp này, tôi may mắn được ở chung với anh cùng một tổ. Anh là mẫu người biểu hiện cho hai chữ tư cách. Lúc nào anh cũng tỏ ra cởi mở, vui tính, hòa nhã với tất cả mọi người ở chung

quanh. Chưa khi nào, anh tỏ ra khiếp nhược trước thái độ hung hăng của mấy tên cán bộ ngổ ngáo! Với anh, lúc nào cũng nhã nhặn. Lúc nào cũng trầm tĩnh. Lúc nào cũng nụ cười điềm nhẹ ở trên môi, như để che đậy mọi suy tư thâm kín đang tiềm ẩn, tích lũy ở trong đáy. Gần anh, tôi cảm thấy mến anh nhiều hơn. Ngay từ buổi đầu tiên, anh đã thăm thì với tôi về cái bản chất nhỏ mọn, xấu xa của tên đội trưởng. Gã nguyên trước kia cùng ở chung với anh một đơn vị. Gã thuộc thành phần không tốt. Gã muốn lập công để về sớm. Gã luôn luôn tỏ vẻ o bế, ve vãn cán bộ. Anh dặn tôi:

“Anh nên đề phòng tên này. Có nó thì đừng có hát.”

Tôi biết! Bao giờ tôi cũng cảnh giác. Tôi hát cho các anh nghe về giọng nhạc tiền chiến. Anh thích êm dịu. Thích Đoàn Chuẩn, Từ Linh. Thích Lá Đỏ Muôn Chiều. Thích Thu Quyên Rũ. Thích Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay. Thích Gọi Giấc Mơ Xưa của nhạc sĩ Lê Hoàng Long. Chuỗi âm thanh lãng đãng, quyến xoắn vào không khí hoang lạnh của buổi hoàng hôn, bên chiếc cà phê còn nóng hổi, đắng ngắt, tự nhiên chúng tôi cảm thấy ấm lại. Anh hỏi tôi về hoàn cảnh gia đình. Tôi nói với anh:

“Tôi có ba cháu. Hiện giờ nhà tôi cùng các cháu đang sinh sống ở Sài Gòn. Còn anh!”

Anh cho tôi biết, anh vẫn còn nằm trong tình trạng độc thân. Anh còn bà mẹ già và bà vẫn thường lặn lội đi thăm nuôi anh. Tôi đem ý nghĩ về các bà mẹ Việt Nam. Những bà mẹ bao la như biển cả mông mênh. Những bà mẹ nuôi con bằng giọng sữa ngọt ngào của chính mình. Những bà mẹ mớm cho con từng miếng cơm, chuyền cho con từng hơi ấm nồng nàn và chặt chiu, tận tụy, chăm bón cho con đến ngày khôn lớn. Công lao ấy, làm sao mà có thể diễn đạt được hết thấy mọi ý nghĩa cao



quí, sâu sắc của nó! Nghĩ đến đây, tự nhiên tôi cảm thấy đom đóm nước mắt.

Sống gần gũi với anh chỉ trong khoảng thời gian quá ngắn ngủi. Trên chuyến tàu đồ xuôi xuống vùng cực Nam của đất nước. Ghé Chương Thiện, ngồi ngay giữa nhà lồng chợ, bên ly cà phê đen đậm như chính cuộc đời của chúng tôi lúc bấy giờ. Chung quanh, hiện ra những người đàn bà tảo tần, lam lũ. Những người đàn bà trong chiếc áo sọc sếch, cũ mèm, ngả màu theo mưa nắng. Những chiếc áo phản ánh phần nào đời sống trung thực ở bên ngoài, mà trong đó có vợ con tôi cùng người thân của anh đang bưng chải ở Sài Gòn.

Tàu cập bến Đá Bạc. Biển động. Chúng tôi phải nghỉ lại một đêm tại xóm chài nghèo nàn, hiu quạnh, rồi hôm sau thức dậy, trực chỉ, lằm lũi tiến thẳng vào nông trường. Nông trường chưa thành hình. Nông trường còn là vùng lau sậy bạt ngàn, kín mít. Bao nhiêu sức lực cùng mồ hôi của chúng tôi đổ đầy ở trên đây. Trên từng các nền nhà. Từng con đường mà chúng tôi đã ra sức đắp từ ngày này sang ngày khác! Từng ao cá cho đến từng ngôi nhà mà chúng tôi đã tạo dựng nên. Rồi, nông trường thành hình, bắt đầu đi vào sản xuất. Anh ở lại, còn tôi chuẩn bị lên đường đi nơi khác! Đêm hôm ấy, tôi uống với các anh đến giọt cà phê giao cuối cùng. Anh đề nghị tôi hát. Tôi hát lên nho nhỏ *“Các anh đi ngày ấy đã lâu rồi...”* để riêng tặng cho các anh. Từ đó, ít khi tôi có dịp hát lại. Lâu lâu, tôi lại chợt nhớ đến anh. Đến khuôn mặt trầm buồn mà tôi không thể nào quên được! Khuôn mặt ấy đã cuộn xoắn, vo tròn vào toa tàu kỷ niệm ở trong tôi.

Sáng hôm sau, tôi cùng bạn bè lại lên đường đi đến một phương trời mới. Rồi, tôi trốn trại, tìm đường sang biên giới. Anh bạn đi theo tôi bị trúng đạn, bỏ xác nằm

sông soài ngay trên bờ của con kinh Vĩnh Tế. Từng bá súng giáng tụi bụi xuống người tôi. Từng cú đá thô bạo thúc mạnh vào cạnh sườn, khiến cho tôi ngất lịm đi lúc nào không biết! Bao nhiêu trận đòn thô bạo giáng xuống người tôi từ đêm này sang đến đêm khác và cánh cửa nhà tù lại lần lượt mở ra, nặng nề đóng chặt lại, chôn nhốt đời tôi ở trong đấy.

Tôi viết những giòng chữ này cho anh. Những giòng chữ quá muộn màng, thô thiển. Những giòng chữ mộc mạc, chất chứa, thể hiện ở trong đấy, là cả một chuỗi giây tình cảm chân thật mà tôi hằng ấp ủ từ lâu. Đọc tin anh, tôi bồi hồi, chua xót. Tôi chẳng có thì giờ để đến viếng xác anh! Tôi cũng chẳng có thì giờ để tiễn đưa anh về với căn nhà mới! Căn nhà tĩnh mịch, êm đềm của một đời kế tiếp, bất tận. Đêm đêm, tôi hằng nguyện với lòng mình: Thế nào rồi cũng có một ngày tôi sẽ ra thăm anh! Cuộc đời là biển dâu, là tro bụi, là phù du. Có phải đúng như vậy, không anh!

Từ khi biết tin anh trên báo, tôi liền xin lễ cho anh và tới đến tôi thường cầu nguyện cho linh hồn anh sớm được về miền vĩnh phúc. Anh sẽ về. Tôi biết rằng anh sẽ về. Nhiều đêm tôi nằm mơ thấy anh đang lơ lửng trên các tầng mây. Các tầng mây bỗng bành đưa anh về với vùng trời quê hương mới. Quê hương của vĩnh cửu, của an bình. Quê hương với đầy đủ mọi ý nghĩa cao cả về hai chữ hạnh phúc thiêng liêng và đích thật của nó.

Hãy ngủ yên nghe anh!

Vĩnh biệt anh!

*Cuối thu 2001*